

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN THỊ THU THỦY

**PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CHO DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Luật kinh tế

Mã số : 62.38.01.07

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Khoa học xã hội.

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. TRẦN ĐÌNH HẢO**

Phản biện 1: GS. TS NGUYỄN THỊ MƠ

Phản biện 2: PGS.TS. LÊ THỊ THU THỦY

Phản biện 3: PGS.TS. DƯƠNG ĐĂNG HUỆ

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ họp tại:
Học viện Khoa học Xã hội vào lúc:

..... giờ, ngày tháng năm 2016.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Thư viện Học viện khoa học xã hội

Thư viện Quốc gia Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thủ tục đăng ký kinh doanh là một hoạt động gia nhập thị trường của chủ thể kinh doanh Tuy nhiên, muốn tham gia vào hoạt động kinh doanh. Chủ thể kinh doanh phải thực hiện đăng ký kinh doanh. Thông qua hoạt động đăng ký kinh doanh, chủ thể sẽ được cấp “*giấy phép đăng ký kinh doanh*”. Với những tiêu chí đó, “hoạt động đăng ký kinh doanh” là một chế định quan trọng không chỉ được quy định trong Luật doanh nghiệp 1999, 2005, 2014 mà còn được quy định trong những văn bản pháp luật chuyên ngành, văn bản hướng dẫn thi hành... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh còn nhiều bất cập, hiệu quả thực thi chưa cao... Xuất phát từ các yêu cầu trên, học viên đã mạnh dạn lựa chọn đề tài: “***Pháp luật về đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay***” để nghiên cứu và làm Luận án Tiến sĩ luật học. Đồng thời qua đó, luận án cũng hướng đến việc tìm hiểu, nghiên cứu, so sánh và phân tích những luận điểm, luận cứ khoa học và thực tiễn quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh để nhằm đưa ra những kiến nghị, hướng hoàn thiện phù hợp.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận án là nhằm làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về ĐKKD, sự điều chỉnh pháp luật trong hoạt động ĐKKD. Từ đó, đưa ra định hướng, các luận cứ khoa học nhằm kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật và đề xuất mô hình đăng ký kinh doanh phù hợp ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

-Đối tượng nghiên cứu của Luận án được xác định là các vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật đăng ký kinh doanh ở Việt Nam;

-Phạm vi nghiên cứu là hệ thống các quy định pháp luật của Việt Nam về điều chỉnh hoạt động đăng ký kinh doanh và các vấn đề có liên quan cũng như quá trình thực hiện pháp luật trong hoạt động đăng ký kinh doanh từ Luật Doanh nghiệp năm 1999 cho đến Luật Doanh nghiệp năm 2014.

-Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký.

Luận án tập trung nghiên cứu nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp dưới góc độ pháp lý của Luật doanh nghiệp qua các thời kỳ và các luật khác có liên quan như Luật đầu tư và các luật chuyên ngành về điều kiện đăng ký doanh nghiệp.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án áp dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật. Những quan điểm của Đảng và của Nhà nước ta, những xuất phát điểm và nhận thức về hoạt động đăng ký kinh doanh.

Một số phương pháp nghiên cứu khác như: Thống kê, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, đối chiếu để làm rõ các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu.

5. Những điểm mới của Luận án

Luận án là công trình khoa học được nhìn nhận, phân tích dưới hình thức thực hiện quyền tự do kinh doanh. Qua đó, luận án luận giải, làm rõ giá trị pháp lý của việc đăng ký kinh doanh, các yếu tố ảnh hưởng và chi phối đến hoạt động đăng ký kinh doanh từ Luật doanh nghiệp năm 1999 đến Luật doanh nghiệp năm 2014 trên cơ sở so sánh, đối chiếu với pháp luật của một số nước trên thế giới về hoạt động ĐKKD và mô hình ĐKKD tiêu biểu theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới. Qua đó, Luận án chỉ ra những nguyên nhân, hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật hiện hành về ĐKKD.

Dự báo tác động của Luật Doanh nghiệp năm 2014 với vai trò tạo sự thuận lợi tối đa cho các chủ thể khi có nhu cầu kinh doanh. Qua đó, luận án đưa ra các luận cứ khoa học để đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về ĐKKD, thiết kế được mô hình của hệ thống ĐKKD phù hợp ở Việt Nam và đề ra một số cải cách quan trọng trong nội dung của Luật doanh nghiệp năm 2014.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án

Về ý nghĩa khoa học, Luận án đóng góp về phương diện lý luận cho việc nghiên cứu pháp luật, quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về ĐKKD, tìm kiếm mô hình ĐKKD nào cho phù hợp.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ là công trình khoa học có giá trị tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập và áp dụng pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước

-Cuốn sách *“Doing Buisness 2013”*: *Smarter regulations for small and medium size enterprises*. Báo cáo nghiên cứu với 10 tiêu chí để đưa ra nhận định về MTKD của 185 quốc gia, chỉ ra những nước có thủ tục đơn giản, nhanh, gọn, những nước có quy trình thủ tục mất nhiều thời gian gây phiền hà. Việt Nam theo bản báo cáo chỉ số MTKD năm 2013 Việt Nam xếp hạng 108/185 nền kinh tế. Theo bản báo cáo pháp luật quy định về thủ tục ĐKKD ở Việt Nam phải trải qua 10 thủ tục, và 34 ngày để thành lập và đưa doanh nghiệp đi vào hoạt động.

-Cuốn *“Doing business 2014: Understanding regulations for small and medium - size enterprises”* Publisher: World Bank Publications., Báo cáo tiếp tục nghiên cứu MTKD với những tiêu chí như năm 2013, trong đó báo cáo đưa ra chỉ số xếp hạng môi trường kinh doanh thuận lợi của Việt Nam năm 2014 là 72 trên tổng số 189 quốc gia.

-Cuốn *“Administrative simplification in Viet Nam: Supporting the competitiveness of the Vietnamese economy”*. Báo cáo đánh giá về tình hình đơn giản thủ tục hành chính ở Việt Nam do Tổ chức và Hợp tác và Phát triển Kinh tế Châu Âu (OECD) phát hành năm 2011.

-Cuốn sách *“Understanding Company Law”* của tác giả Philip Lipton, Abe Herzberg và Michelle Welsh, do Nhà xuất bản Thomson Reuters xuất bản năm 2012. Nội dung cuốn sách được tác giả nghiên cứu về Luật công ty năm 2001 của Australia, trong đó nghiên cứu những quy định của pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Australia. Theo đó, chủ thể kinh doanh khi muốn thành lập doanh nghiệp phải làm thủ tục ĐKKD tại Ủy Ban Đầu tư và Chứng Khoán Australia (ASIC) bằng hình thức đăng ký kinh doanh qua mạng và trả phí cho ASIC là AUD 426.

-Bài báo *“Licensing regimes East and West”* của hai tác giả Anthony Ogus and Qing Zhang, đăng trên tạp chí International Review of Law and Economics số 25 năm 2005. Nội dung của bài báo các tác giả đã tập trung phân tích, đánh giá vai trò của GPKD đối với hoạt động quản lý của nhà nước.

-Cuốn: *“Leveraging Technology to Support Business Registration Reform”*

(In Practice Note) của các tác giả John Wille, Karim O. Belayachi, Numa De Magalhaes và Frederic Meunier đề cập đến việc sử dụng công nghệ để hỗ trợ cải cách đăng ký kinh doanh.

- Cuốn *“Improving Business Registration Procedures at the Sub-National Level the case of Lima, Peru*. Của tác giả Kristtian Rada và Ursula Blotte trình bày những bất cập của việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh tại Lima-Peru. Từ đó các tác giả đưa ra những kiến nghị nhà nước cần phải đảm bảo cơ sở kỹ thuật, yếu tố chính trị, nâng cao nghiệp vụ của cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, quyết tâm phá bỏ những rào cản làm ảnh hưởng đến thủ tục đăng ký.

-Cuốn *“Đăng ký kinh doanh một cửa tại El Salvador bắt đầu từ năm 2006.”* của tác giả James Newton, Sylvia Solf, và Adriana Vicentini đề cập đến những bất cập về tình hình ĐKKD trước năm 2006 tại El Salvado, với việc hỗ trợ từ hệ thống công nghệ thông tin đã mở ra một môi trường kinh doanh mới để thu hút các nhà đầu tư.

Như vậy, từ những công trình nghiên cứu ở nước ngoài học viên nhận thấy:

- *Đơn giản hóa thủ tục tiền đăng ký (chứng thực văn bản, thanh tra-kiểm tra, các thủ tục “tiền kiểm”)*: Những quốc gia đã thực hiện cải cách này là Albania, Bulgaria, Cộng hòa Hồi giáo Iran, Na-Uy, Mauritius, Tây Ban Nha, Vương Quốc Anh, Jamaica, Ấn Độ, Việt Nam.

- *Xóa bỏ hoặc giảm yêu cầu về vốn tối thiểu*: Các quốc gia đã thực hiện là Áo, Benin, Trung Quốc, Cộng hòa Cécch, Đan-mạch, Moldova, Ý, São Tomé and Príncipe, Senegal, Togo.

- *Xóa bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục sau đăng ký (thủ tục đăng ký thuế, đăng ký bảo hiểm xã hội, giấy phép kinh doanh)*: Các quốc gia đã thực hiện: Hy Lạp, Iceland, Lithuania, Mauritania, Liên bang Nga, Mỹ.

- *Thiết lập hoặc nâng cấp cơ chế Một cửa (one-stop shop)*: Cộng hòa Dân chủ Công-gô, Pháp, Suriname, Tajikistan, Timor-Leste.

Một số quốc gia với điển hình cải cách trong năm qua là: Timor-Leste (Đông Timor), São Tomé and Príncipe, Trung Quốc:

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

* Nhóm các công trình nghiên cứu đánh giá về Luật doanh nghiệp

-Cuốn *“Báo cáo tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990 và Luật Công ty năm 1990”* đã quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện đăng ký kinh doanh đảm bảo tính minh bạch trong tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về

đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, do là những chế định đầu tiên mang tính chuyên biệt về đăng ký kinh doanh và thành lập doanh nghiệp nên những văn bản ban đầu này vẫn chưa thực sự “cởi trói” cho quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp.

-Cuốn “*Báo cáo tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp năm 1999*” năm 2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và cuốn “*Sáu năm thi hành Luật Doanh nghiệp 1999 - Những vấn đề nổi bật và bài học kinh nghiệm*” Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế trung ương (CIEM) cùng Tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức (GTZ), - Cuốn sách: “*Thời điểm cho sự thay đổi Đánh giá Luật doanh nghiệp 1999 và kiến nghị*” trên cơ sở khảo sát việc các doanh nghiệp tiến hành đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp 1999 còn nhiều bất cập với khối lượng giấy phép con, thủ tục rườm rà, nặng nề về cơ chế “xin”, “cho”. Do đó, Chính phủ quyết tâm loại bỏ một loạt các giấy phép đã lỗi thời, tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh.

-Cuốn “*Báo cáo tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2005*” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nêu rõ Luật doanh nghiệp năm 2005 mở rộng quyền tự do kinh doanh, thành lập doanh nghiệp của nhà đầu tư không phân biệt đó là nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài, đơn giản hóa trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, áp dụng thống nhất chế độ đăng ký thay cho “*cấp phép*”, xóa bỏ những quy định “*xin-cho*”, “*phê duyệt*”, “*chấp thuận*” bất hợp lý, gây phiền hà cho doanh nghiệp, hạn chế tối đa rào cản gia nhập thị trường không cần thiết, tạo thuận lợi cho những người có khả năng thành lập doanh nghiệp, biến nguyện vọng kinh doanh của mình thành hiện thực.

**Nhóm các công trình nghiên cứu về môi trường kinh doanh.*

- Chuyên đề nghiên cứu kinh tế tư nhân (số 20) với nội dung: “*Đăng ký và thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam - Con số và thực trạng*” tháng 5 năm 2005. Tác giả ông Nick Freeman, ông Nguyễn Văn Lân và bà Nguyễn Hạnh Nam, bà Nguyễn Phương Quỳnh Trang - MPDF và bà Amanda Carlier Ngân Hàng Thế Giới (WB) cùng một số các tác giả khác đã phản ánh việc đăng ký kinh doanh đối với những doanh nghiệp ở khu vực kinh tế tư nhân trong vòng từ năm 2000 đến năm 2004 trên cơ sở Luật Doanh nghiệp năm 2005 được ra đời.

-Cuốn “*Báo cáo tổng hợp nghiên cứu rà soát các văn bản pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp với các tư tưởng chỉ đạo xây dựng luật doanh nghiệp thống nhất và luật đầu tư chung*”. Của ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ cùng với Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc vào

tháng 2 năm 2005. Bản báo cáo chia làm ba phần gồm: (i) Rà soát những quy định khác biệt bất hợp lý về thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; (ii) Các quy định hạn chế quyền tự do kinh doanh trong thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp; (iii) Rà soát bất cập của các quy định về quản trị doanh nghiệp.

-Tài liệu của CIEM, DOE, ILSSA và UNU-WIDER do Nhà xuất bản Lao động phát hành tháng 11 năm 2012: *“Đặc điểm môi trường kinh doanh ở Việt Nam kết quả điều tra doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2011”* đã cung cấp thông tin thu được từ cuộc điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) lần thứ bảy năm 2011.

- Báo cáo tìm kiếm thông tin, bằng chứng về các bất cập liên quan đến Luật doanh nghiệp năm 2005 của Công ty cổ phần tư vấn và phát triển đầu tư Quang Minh do báo cáo viên Lê Thị Phương Hiền viết vào tháng 10 năm 2013. Báo cáo được thực hiện dựa trên thông tin thu thập thông qua các cuộc hội thảo do Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương và Bộ Kế hoạch - Đầu tư tổ chức vào tháng 9/2013;

- Báo cáo tổng hợp *“Rà soát pháp luật kinh doanh”* do Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với dự án USAID (hỗ trợ thi hành pháp luật về hội nhập kinh tế của Hoa Kỳ) thực hiện về việc rà soát đánh giá 16 đạo luật và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ có quy định liên quan, tác động đến các hoạt động gia nhập thị trường của doanh nghiệp như Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật đầu tư năm 2005, Luật kinh doanh bất động sản...

-Báo cáo nghiên cứu *“Xây dựng hệ thống pháp luật kinh doanh khuyến khích phát triển kinh tế thị trường”* do Phòng thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối kết hợp với Trung tâm WTO. Bản báo cáo phân tích các yếu tố của hệ thống pháp luật kinh doanh Việt Nam trên cơ sở chỉ ra những ưu điểm và nhược điểm, từ đó đề xuất các vấn đề cần điều chỉnh để hệ thống pháp luật Việt Nam phù hợp với nền kinh tế thị trường.

**Nhóm các công trình nghiên cứu về quyền tự do kinh doanh, thủ tục đăng ký kinh doanh*

-Cuốn sách *“Tự do kinh doanh và vấn đề đảm bảo quyền con người tại Việt Nam”* do GS.TS. Mai Hồng Quý chủ biên, được Nhà xuất bản Lao động phát hành năm 2012. Tác giả phân tích, bình luận đánh giá pháp luật về doanh nghiệp Việt Nam trong việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh như những quy định về thủ tục ĐKKD, chủ thể tham gia thành lập DN, ngành nghề được phép kinh doanh và cấm

kinh doanh.

-Luận văn Thạc sĩ của Trần Trọng Thắng (Viện nhà nước và Pháp luật) với đề tài *“Đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp”*; Luận văn Thạc sĩ của Lê Thế Phúc của (Khoa Luật, Đại học Quốc gia) về: *“Đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp Việt Nam - Thực trạng và một vài kiến nghị”* làm sáng tỏ cơ sở lý luận của hoạt động ĐKKD, phân tích thực trạng pháp luật và thực trạng áp dụng pháp luật về ĐKKD ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện những quy định của pháp luật về vấn đề này trong tương lai.

-Bài viết *“Luật Doanh nghiệp và hiện tượng “doanh nghiệp ma”* của tác giả Luật sư Nguyễn Trọng Hạnh (Đoàn Luật sư TP.HCM) đã nêu ra những sơ hở của Luật Doanh nghiệp 2005, những quy định về vốn điều lệ, mối quan hệ giữa những thành viên trong công ty TNHH, sự lỏng lẻo trong quản lý sẽ gây ra những tác hại rất lớn cho xã hội, cho ngân sách nhà nước.

**Nhóm các công trình nghiên cứu về cải cách đăng ký kinh doanh*

-PGS.TS Trần Văn Nam (Khoa Luật, Đại học Kinh tế Quốc dân) trên Tạp chí Phát triển kinh tế số 216 - tháng 10/2008 có bài viết: *“Mô hình đăng ký kinh doanh hợp nhất: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”*.

-Bài viết *“Cải cách hệ thống giấy phép kinh doanh Việt Nam trong giai đoạn hậu WTO”* (Trần Hữu Huỳnh Trưởng Ban Pháp chế Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam) có chỉ ra những bất cập của hệ thống giấy phép đăng ký kinh doanh ở Việt Nam như về vấn đề pháp lý, điều kiện cấp phép, thủ tục và trình tự cấp phép, hiệu quả của giấy phép.

-Bài viết: *“Luật doanh nghiệp năm 2014 - Tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình thành lập, hoạt động”* của tác giả Hoàng Thanh Tuấn đăng trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Nội dung bài viết đề cập đến những điểm mới của Luật Doanh nghiệp 2014 được sắp xếp theo thứ tự vòng đời của doanh nghiệp, từ lúc gia nhập thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức lại cho đến lúc giải thể, rút lui khỏi thị trường.

**Nhóm các công trình nghiên cứu về điều kiện thực hiện đăng ký kinh doanh*

- Theo Luật sư Trần Văn Trí - Văn phòng luật sư Hùng & Đồng sự có bài viết *“Đặt tên cho doanh nghiệp: Thay đổi phải chăng, chỉ làm phức tạp thêm”* trên Báo Sài Gòn ngày 23/1/2011 có nêu việc đặt tên doanh nghiệp có sử dụng tiếng nước ngoài, đặt tên doanh nghiệp có vi phạm quyền sở hữu công nghiệp.

-Bài viết *“Ý nghĩa của vốn và lý do tháo bỏ quy định về vốn pháp định”* của

ThS. Trương Trọng Hiểu (Khoa Luật, ĐH Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử ngày 26/2/2011 có nhìn nhận từ vai trò, ý nghĩa của vốn ở từng vị trí của tất cả các bên có liên quan. Trước hết là vai trò của vốn đối với chính doanh nghiệp; thứ hai là ý nghĩa của vốn đối với các đối tác của doanh nghiệp - chủ nợ. Ngoài ra, cũng được nhìn nhận từ phía Nhà nước - với tư cách là chủ nợ lớn nhất và với chức năng điều hòa mối quan hệ giữa hai bên nói trên.

-Bài viết *“Quy định về vốn pháp định trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp”* của ThS. Trần Huỳnh Thanh Nghị trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử có nêu: Ngành nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, Những vấn đề phát sinh danh mục các ngành nghề phải có vốn pháp định ngày càng có chiều hướng tăng cao, nhất là từ năm 2007 đến nay, nhiều quy định về vốn pháp định không phù hợp, gây khó khăn rất lớn cho doanh nghiệp trong thành lập và hoạt động kinh doanh, giám sát, quản lý doanh nghiệp duy trì mức vốn trong những ngành nghề đó sau đăng ký kinh doanh vẫn còn nhiều điều phải bàn về tính hiệu quả của vốn pháp định. Trên cơ sở những bất cập của pháp luật quy định về vốn pháp định Nhà nước cần có cơ chế giám sát, tránh để doanh nghiệp lo đối phó cho xong khi thành lập doanh nghiệp.

-Tác giả Trần Huỳnh Thanh Nghị đã có những bài viết: *“Cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam: Nhìn từ khía cạnh pháp lý qua báo cáo của Ngân hàng thế giới”*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 07/2011, số 279; *“Cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam trong chặng đường 10 năm hội nhập kinh tế quốc tế”*, Tạp chí Luật học, 08/2011, số 135; *“Thực trạng pháp luật về giấy phép kinh doanh”*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 04, (236), 02/2013. Những bài viết đã phản ánh những thủ tục bất cập trong công tác ĐKKD tại Việt Nam so với các nước trên thế giới còn tồn tại nhiều bất cập, khó khăn, rào cản gây trở ngại cho các nhà đầu tư từ đó tác giả đã đưa ra những cải cách để tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh, xúc tiến hoạt động đầu tư hơn nữa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế toàn cầu.

Có thể thấy pháp luật về ĐKKD được quy định từ Luật công ty năm 1990 đến Luật doanh nghiệp năm 2014. Với khoảng thời gian hơn 20 năm, pháp luật về ĐKKD đã thu hút rất nhiều nhà nghiên cứu, cơ quan, doanh nghiệp nghiên cứu về vấn đề này.

1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Sau khi tham khảo lý thuyết các công trình nghiên cứu pháp luật về đăng ký kinh doanh được đề cập đến ở trong nước và ngoài nước, tác giả có một số nhận xét về tình hình nghiên cứu như sau:

Các công trình nghiên cứu đều thừa nhận PL về ĐKKD được thực hiện ở hầu hết các quốc gia trên thế giới; Hầu hết các công trình nghiên cứu đều thừa nhận PL về ĐKKD có sự tác động ảnh hưởng rất lớn đến MTKD; Những quốc gia có thứ hạng MTKD dẫn đầu đều là những quốc gia có sự cải cách về thủ tục hành chính và pháp luật quy định về trình tự thủ tục ĐKKD rất đơn giản với mô hình ĐKKD hiện nay chủ yếu áp dụng qua mạng (theo sự đánh giá phân tích của Ngân hàng thế giới).

-Mô hình ĐKKD hiện nay trên thế giới đều thực hiện quy trình đăng ký trực tuyến, bãi bỏ quy định về vốn tối thiểu, thiết lập cơ chế “Một cửa” (One-stop shop), PL về ĐKKD quy định về cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc ĐKKD cũng khác nhau có những quốc gia ĐKKD tại Tòa án (Pháp, Mỹ...) có những quốc gia quy định tại Ủy ban đầu tư Chứng khoán (Australia...) hay tại cơ quan ĐKKD (Việt Nam, Trung Quốc...); Việc cải cách thủ tục ĐKKD đã góp phần giúp các quốc gia cải thiện được MTKD để thu hút các nhà đầu tư, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển và dễ dàng trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ những bài học kinh nghiệm của các nước, Việt Nam lấy đó làm cơ sở nghiên cứu, cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp để phù hợp với thực tế, quy định pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chưa chỉ rõ việc ĐKKD là quyền của các chủ thể kinh doanh và được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng những quy định của pháp luật; Chưa có công trình nghiên cứu ở cấp độ Luận án tiến sĩ: *“Pháp luật về ĐKKD ở Việt Nam hiện nay”* dưới góc độ nghiên cứu toàn diện hệ thống pháp luật Việt Nam quy định về ĐKKD, phân tích, đánh giá một cách đầy đủ những ưu điểm và nhược điểm của hệ thống pháp luật về ĐKKD ảnh hưởng đến MTKD như thế nào trong thời gian qua.

1.1.4. Những vấn đề mà luận án tiếp tục nghiên cứu

-Hệ thống hóa một cách đầy đủ hệ thống pháp luật về ĐKKD ở Việt Nam; Đánh giá sự phát triển của việc ĐKKD qua các Luật doanh nghiệp năm 1990, 1999, 2005, 2014; Phân tích những thành tựu và hạn chế, đặc biệt là những thách thức của việc thực thi các quy định trong Luật doanh nghiệp năm 2014; Làm rõ thực trạng quy định pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong thủ tục ĐKKD, cấp GPĐKKD trong thời gian qua.

1.2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

1.2.1. Cơ sở lý thuyết

Luận án trên tinh thần tiếp thu và kế thừa có chọn lọc các tư tưởng, quan điểm của các học giả, các nhà nghiên cứu, các chuyên gia trong và ngoài nước về đăng ký kinh doanh, pháp luật về đăng ký kinh doanh, vận dụng đưa ra những giải pháp về mô hình ĐKKD thích hợp ở Việt Nam hiện nay.

Lý thuyết mà Luận án tiếp cận nghiên cứu cụ thể là lý thuyết về quyền tự do kinh doanh với tính cách là một quyền cơ bản của công dân. Theo đó, việc ghi nhận, và đảm bảo thực thi thuộc trách nhiệm của nhà nước.

Lý thuyết về dân chủ và trách nhiệm trong kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, với tính cách là quyền cơ bản trong một trật tự văn minh, quyền tự do kinh doanh cũng được thực hiện theo những thang bậc và trình tự, thủ tục nhất định. Theo đó, quyền tự do kinh doanh thông qua đăng ký doanh nghiệp và thực hiện các hoạt động kinh doanh vẫn phải được thực hiện trong khuôn khổ của một trật tự chung, đảm bảo an toàn trong kinh doanh và không xâm phạm các lợi ích xã hội khác.

1.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học như duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Đây là phương pháp luận khoa học được vận dụng nghiên cứu trong toàn bộ luận án. Bên cạnh đó, luận án còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu đan xen như phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống, luật học so sánh, xã hội học pháp luật, liên ngành và dự báo qua các tài liệu thứ cấp để làm sáng tỏ các vấn đề được nghiên cứu trong luận án.

Kết luận chương 1:

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đối với pháp luật về đăng ký kinh doanh ở nhiều cấp độ khác nhau đã đề cập và phân tích cơ sở lý luận của đăng ký kinh doanh và pháp luật về đăng ký kinh doanh. Các công trình nghiên cứu này cũng đã phản ánh phần nào thực trạng với những vướng mắc trong thủ tục, trình tự, các điều kiện để tiến hành đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp; những tồn tại trong việc thực thi, áp dụng pháp luật về đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu chưa phản ánh hết, đánh giá triệt để, thấu đáo về việc cơ sở lý luận cũng như thực trạng thực thi pháp luật về đăng ký kinh doanh trong từng lĩnh vực cụ thể...

Với việc tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án cho thấy, pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam còn rất nhiều vấn đề cần phải bổ

sung và hoàn thiện. Vì vậy, việc xác định rõ cơ sở lý thuyết và các câu hỏi nghiên cứu sẽ góp phần đạt được mục đích nghiên cứu cũng như hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

2.1. Khái quát chung về đăng ký kinh doanh

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của đăng ký kinh doanh

Trong nội dung này, luận án phân tích và kế thừa quan điểm nghiên cứu về hoạt động đăng ký kinh doanh, những đặc điểm, ý nghĩa của hoạt động đăng ký kinh doanh.. Từ đó cho thấy hoạt động đăng ký kinh doanh là một công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước, đồng thời là một công cụ để thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân.

2.1.2. Những điều kiện để thực hiện việc đăng ký kinh doanh

Nội dung này, luận án làm rõ khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa theo hướng việc đăng ký kinh doanh là quyền của các chủ thể kinh doanh và được nhà nước đảm bảo bằng các quy định của pháp luật khi thực hiện hoạt động đăng ký kinh doanh phải đảm bảo những điều kiện về (chủ thể, vốn, ngành nghề kinh doanh). Đây là những điều kiện cơ bản để giúp nhà nước rà soát đối tượng tham gia vào hoạt động kinh doanh gồm cá nhân và tổ chức có đầy đủ các yếu tố: vốn, lực chọn lĩnh vực ngành nghề kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật.

Trên cơ sở phân tích các điều kiện để thực hiện việc đăng ký kinh doanh, từ đó thấy hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng, tác động rất nhiều từ yếu tố chính trị, văn hóa xã hội, đảm bảo thực hiện quyền tự do kinh doanh.

Từ việc phân tích khái niệm, đặc điểm đăng ký kinh doanh từ các quan điểm khác nhau, học viên xây dựng khái niệm pháp luật về đăng ký kinh doanh: *“Pháp luật về đăng ký kinh doanh là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để nhằm điều chỉnh những vấn đề về điều kiện, nội dung và trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh giữa chủ thể kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh”*.

Trên cơ sở khái niệm, luận án rút ra một số đặc điểm cơ bản của pháp luật về ĐKKD: Thứ nhất, pháp luật về đăng ký kinh doanh là một chế định pháp luật; Thứ hai, pháp luật về đăng ký kinh doanh là một thủ tục hành chính; Thứ ba, pháp

luật về đăng ký kinh doanh là một dịch vụ công do nhà nước thực hiện, Thứ tư, pháp luật về đăng ký kinh doanh mang đặc trưng xã hội.

Cùng với những đặc điểm là những nguyên tắc đặt ra dựa trên những quan điểm tư tưởng nhất định đòi hỏi các chủ thể kinh doanh phải tuân theo gồm các nguyên tắc: Một là: Nguyên tắc đảm bảo quyền tự do kinh doanh; Hai là nguyên tắc đảm bảo quyền bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh; Ba là nguyên tắc công khai, minh bạch trong đăng ký kinh doanh.

Để giúp các chủ thể kinh doanh thực hiện hoạt động đăng ký kinh doanh đúng theo quy định của pháp luật khi chủ thể phải biết rõ những nội dung pháp luật về đăng ký kinh doanh gồm: (1) chủ thể: là cá nhân, tổ chức khi thỏa mãn các điều kiện của pháp luật dưới những tên gọi thành viên góp vốn, cổ đông, nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, xã viên...(2) quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh: gồm 3 giai đoạn (i) Giai đoạn chuẩn bị thành lập; (ii) Giai đoạn tiến hành các thủ tục tại cơ quan đăng ký kinh doanh; (iii) Giai đoạn sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. (3), ***Quy định về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp***: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là loại giấy tờ “khai sinh” ra một doanh nghiệp, sau khi chủ thể kinh doanh thỏa mãn các quy định về điều kiện cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chỉ cấp cho các chủ thể hoạt động kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư. Còn đối với các chủ thể kinh doanh không nằm trong phạm vi điều chỉnh của hai luật trên thì không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Đăng ký kinh doanh được nhìn nhận dưới nhiều phương diện như kinh tế, chính trị, quản lý nhà nước và pháp lý. Trong quá trình thực thi thủ tục đăng ký kinh doanh, cả doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh đều phải chịu sự tác động và điều chỉnh của pháp luật, vì vậy, có thể đưa ra khái niệm: “Pháp luật về đăng ký kinh doanh là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để nhằm điều chỉnh những vấn đề về điều kiện, nội dung và trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh giữa chủ thể kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh”.

Ngoài ra, pháp luật về đăng ký kinh doanh có đặc điểm riêng được thực hiện theo những nguyên tắc cơ bản và có những nội dung chủ yếu. Đó chính là những nội dung quy định rõ quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ xã hội giữa chủ

thể đăng ký kinh doanh và cơ quan đăng ký kinh doanh trong việc đăng ký kinh doanh, thủ tục đăng ký kinh doanh, các biện pháp chế tài để đảm bảo việc đăng ký kinh doanh được thực hiện đúng pháp luật.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH Ở VIỆT NAM

3.1. Thực trạng pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam

3.1.1. Các quy định về điều kiện đăng ký kinh doanh

Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam đã được hình thành từ những năm 50 thế kỷ trước. Giai đoạn đầu mới chỉ dừng lại ở Nghị định của Thủ tướng chính phủ. Tuy nhiên, cùng với sự vận động và phát triển của nền kinh tế, Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã lần lượt thông qua: Luật công ty 1990, Luật doanh nghiệp tư nhân 1990, Luật doanh nghiệp 1999, 2005, 2014 để cụ thể và hướng dẫn chủ thể kinh doanh thực hiện tốt Luật doanh nghiệp Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định hướng dẫn.

Trong đó, việc quy định về điều kiện chủ thể kinh doanh theo hướng mở rộng quyền tự do kinh doanh, chỉ khoảng 8 đối tượng là không được phép thành lập quản lý doanh nghiệp. Luật doanh nghiệp 2005, 2014 về sau này có sự quy định chi tiết rõ hơn về đối tượng được quyền tham gia góp vốn, quản lý doanh nghiệp và những đối tượng không được thành lập doanh nghiệp thu hẹp lại còn 7 đối tượng

-Về ngành nghề kinh doanh, pháp luật doanh nghiệp quy định theo hướng chủ thể kinh doanh được phép kinh doanh tất cả những lĩnh vực ngành nghề mà pháp luật không cấm. Những lĩnh vực ngành nghề mà pháp luật cấm là những ngành nghề ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng, môi trường, truyền thống lịch sử văn hóa.

-Về vốn kinh doanh, Luật doanh nghiệp 1999, 2005 quy định về vốn pháp định, nhưng điều này đã được Luật 2014 gỡ bỏ.

-Về trụ sở chính của doanh nghiệp: Trụ sở của Doanh nghiệp phải là một địa điểm có thực trên bản đồ hành chính Việt Nam.

-Về tên doanh nghiệp: Việc quy định về tên doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp 1999, 2005 còn nhiều quy định gây khó khăn cho doanh nghiệp như quy định về: “những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp”; “tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp”, “tên trùng và tên gây nhầm lẫn” thì đến Luật doanh nghiệp 2014 những quy định này được quy định cụ thể hơn

và thông thoáng hơn.

-Điều kiện về lệ phí đăng kí kinh doanh: Doanh nghiệp muốn được cấp giấy chứng nhận ĐKKD thì phải “nộp đủ lệ phí ĐKKD theo quy định của pháp luật. Lệ phí ĐKKD được xác định căn cứ vào số lượng ngành, nghề ĐKKD; mức lệ phí cụ thể do Chính phủ quy định.

Như vậy, từ sự quy định của Luật công ty 1990, Luật doanh nghiệp tư nhân 1990, Luật công ty 1999 đến Luật doanh nghiệp năm 2005 những quy định về điều kiện thành lập doanh nghiệp như: Chủ thể, vốn, ngành nghề kinh doanh, trụ sở, tên doanh nghiệp... đã càng ngày được điều chỉnh theo hướng hợp hiến, hợp pháp, hợp lý, phù hợp hơn, minh bạch hơn là những đảm bảo pháp lý quan trọng đem lại một môi trường kinh doanh thông thoáng, thu hút nhiều chủ thể tham gia khởi sự doanh nghiệp, tạo nguồn lực tăng trưởng phát triển kinh tế, những điều kiện bất hợp lý đã được loại bỏ, rút ngắn góp phần giảm bớt chi phí cho DN, hướng đến việc nhằm đảm bảo tôn trọng quyền tự do kinh doanh của công dân.

3.1.3. Các quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

*Trình tự, thủ tục ĐKKD đã được áp dụng thực hiện theo hướng đơn giản hóa, ứng dụng công nghệ thông tin và quy trình đăng ký. Từ Luật doanh nghiệp tư nhân 1990 quy trình là hai giai đoạn, Luật doanh nghiệp 1999 một giai đoạn. Nhưng ở thời kỳ này người dự định thành lập doanh nghiệp phải đến tận cơ quan đăng ký kinh doanh để làm thủ tục, và phải chờ đợi rất lâu. Nhưng Luật doanh nghiệp 2005, 2014 nhà nước đã thay đổi lại quy trình cho phép ứng dụng công nghệ thông tin vào đăng ký doanh nghiệp, cho nên người dự định thành lập doanh nghiệp có thể đăng ký mọi lúc, mọi nơi, với thủ tục nhanh, đơn giản, thuận tiện ít tốn kém, tiết kiệm thời gian, các thủ tục được gộp lại như mã số doanh nghiệp là mã số thuế, doanh nghiệp được chủ động trong việc sử dụng, khắc dấu, định đoạt hình thức, số lượng con dấu, chỉ việc thông báo lĩnh vực ngành nghề mà doanh nghiệp định kinh doanh...

Như vậy, quy trình thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh càng ngày càng theo hướng rút gọn, tạo điều kiện cho chủ thể kinh doanh gia nhập thị trường dễ dàng hơn, môi trường kinh doanh thông thoáng hơn.

3.1.4. Đánh giá thực trạng pháp luật về đăng ký kinh doanh

Phần này, luận áp tập trung làm rõ những ưu và nhược điểm của pháp luật về ĐKKD. Trong đó, ưu điểm gồm: Pháp luật về ĐKKD góp phần mở rộng

quyền tự do kinh doanh; Rút gọn thủ tục gia nhập thị trường; Pháp luật về ĐKKD góp phần minh bạch môi trường kinh doanh. Từ những ưu điểm đó, pháp luật về ĐKKD đã đạt được những kết quả sau: qua sự thay đổi các QPPL trong hoạt động ĐKKD đã góp phần:

-Tạo điều kiện trong việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp, giúp đơn giản hóa hồ sơ, giảm chi phí về thời gian và tiền bạc trong việc đăng ký thành lập doanh nghiệp.

-Hợp nhất ba thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và khắc dấu, tạo sự thống nhất trong quy trình, thủ tục đăng ký kinh doanh “một cửa liên thông”, thời gian ĐKKD rút ngắn xuống còn 3 ngày.

-Đồng thời đảm bảo tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo hướng tích cực từ cơ chế “tiền kiểm” sang cơ chế “hậu kiểm”

-Cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký doanh nghiệp trong hoạt động đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp được thực hiện trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trực tuyến 24/24h tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp

-Việc thông báo mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện được quy định theo hướng tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, góp phần cải thiện chỉ số khởi sự kinh doanh của nước ta theo đánh giá của tổ chức quốc tế;

3.2.Thực trạng thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam

3.2.1.Thực trạng tình hình đăng ký kinh doanh

Do nhà nước đã có sự điều chỉnh pháp luật kịp thời nên khuyến khích được nhiều nhà đầu tư tham gia hoạt động kinh doanh trong thời gian qua. Cụ thể, trong tháng 6 năm 2016, số doanh nghiệp được thành lập mới là 9.761 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 78.299 tỷ đồng, giảm 2,6% về số doanh nghiệp và 22,6% về số vốn đăng ký so với tháng 5/2016. Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong tháng 6 đạt 8 tỷ đồng, giảm 20,6% so với tháng trước; Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong tháng 6 trên cả nước là 1.903 doanh nghiệp, tăng 13,9% so với tháng 5 năm 2016.

**Theo loại hình doanh nghiệp:*

Trong Quý I/2016, số doanh nghiệp thành lập mới tập trung nhiều nhất ở loại hình công ty TNHH 1 thành viên với 12.793 doanh nghiệp đăng ký, tiếp đến là loại hình công ty TNHH 2 thành viên là 6.009 doanh nghiệp, loại hình công ty cổ phần là 3.867 doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp tư nhân là 1.095 doanh nghiệp

và loại hình công ty hợp danh là 03 doanh nghiệp.

Về tỷ trọng vốn đăng ký: Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên 1 doanh nghiệp, trong Quý I năm 2016 công ty cổ phần có tỷ trọng vốn đăng ký bình quân cao nhất là 21,6 tỷ đồng/doanh nghiệp; tiếp đến là công ty TNHH 2 thành viên là 7,5 tỷ đồng/doanh nghiệp; công ty TNHH 1 thành viên là 4,3 tỷ đồng/doanh nghiệp; công ty hợp danh là 2,6 tỷ đồng/doanh nghiệp và doanh nghiệp tư nhân là 1,7 tỷ đồng/doanh nghiệp. So sánh với cùng kỳ, cho thấy tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên 1 doanh nghiệp của tất cả các loại hình doanh nghiệp đều tăng.

** Về tình hình doanh nghiệp đăng ký thành lập mới theo vùng lãnh thổ:*

Trong Quý I/2016, tình hình doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tại các vùng lãnh thổ đều tăng so với cùng kỳ năm 2015, cụ thể: vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung có 3.459 doanh nghiệp với tỷ lệ tăng nhiều nhất là 34,2%; tiếp đến là Đông Nam Bộ có 10.127 doanh nghiệp tăng 25,3%; Đồng bằng Sông Hồng có 6.774 doanh nghiệp tăng 24,1%; Trung du và miền núi phía Bắc có 901 doanh nghiệp tăng 22,6%; Tây Nguyên có 637 doanh nghiệp tăng 20,9% và Đồng bằng Sông Cửu Long có 1.869 doanh nghiệp tăng 12,1%. Vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Hồng vẫn là hai khu vực đầu tàu kinh tế của các nước khi có số doanh nghiệp thành lập mới đăng ký nhiều nhất. .

**Về lĩnh vực ngành nghề kinh doanh*

Trong Quý I/2016, một số ngành có tỷ lệ vốn đăng ký tăng đột biến so với cùng kỳ năm 2015, bao gồm: Kinh doanh bất động sản đăng ký 45.584 tỷ đồng tăng 406,9%; Hoạt động dịch vụ khác đăng ký 662 tỷ đồng tăng 292,4%; Thông tin và truyền thông đăng ký 4.542 tỷ đồng tăng 253,1%; Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm đăng ký 4.378 tỷ đồng tăng 168,5%; Sản xuất phân phối điện, nước, ga đăng ký 12.957 tỷ đồng tăng 151,4%; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đăng ký 6.759 tỷ đồng tăng 136,4%; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đăng ký 1.441 tỷ đồng tăng 133%;...

Ngược lại với các ngành trên, những ngành còn lại đều có số vốn đăng ký giảm so với năm 2015, cụ thể: Nghệ thuật, vui chơi và giải trí đăng ký 545 tỷ đồng giảm 78,3%; Khai khoáng đăng ký 1.415 tỷ đồng giảm 37,4%; Dịch vụ việc làm; du lịch; cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác đăng ký 3.743 tỷ đồng giảm 30,5% và Xây dựng đăng ký 25.770 tỷ đồng giảm 21,3%. [115]

Trong Quý I năm 2016, một số ngành, lĩnh vực thu hút nhiều số lao động

đăng ký, gồm có: Công nghiệp chế biến, chế tạo là 169.612 lao động; Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy là 52.281 lao động; Xây dựng là 26.345 lao động; Vận tải kho bãi với 16.548 lao động;... .

Đề đạt được kết quả như trên, bên cạnh các công cụ, giải pháp, chính sách hỗ trợ của Chính phủ đối với doanh nghiệp đã bước đầu phát huy hiệu quả, cùng sự chủ động tái cơ cấu của khu vực doanh nghiệp theo địa bàn hoạt động và lĩnh vực kinh doanh, chương trình cải cách đăng ký kinh doanh thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, số hóa tài liệu hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia... đã góp phần gây dựng niềm tin, khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp quay trở lại thị trường.

3.2.2. Những thành tựu của pháp luật về ĐKKD trong thời gian qua

Sự ra đời của pháp luật về đăng ký kinh doanh đã tạo nên những thành công nhất định trong việc khởi sự doanh nghiệp cụ thể như: (1) *PL về ĐKKD đã xác định rõ quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh khi tham gia hoạt động kinh doanh*; (2)

Danh mục ngành nghề bị cấm kinh doanh; (3) *Chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”*; (4) *Liên thông ba thủ tục “đăng ký kinh doanh”, “đăng ký thuế” và “khắc dấu”*; (5) *Pháp luật về ĐKKD góp phần bãi bỏ hàng loạt “giấy phép con”*. (6) *Pháp luật về ĐKKD góp phần làm giảm bớt quy trình thành lập doanh nghiệp*

Có thể thấy pháp luật về đăng ký kinh doanh trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến quan trọng, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là phục vụ sự tăng trưởng mạnh mẽ của khối kinh tế tư nhân trong những năm qua. Chính sự cải thiện trong thủ tục ra nhập thị trường đã tạo nên sức hấp dẫn lớn cho môi trường kinh doanh của Việt Nam trong con mắt các nhà đầu tư. Đặc biệt sự ra đời của Luật doanh nghiệp năm 2014 đã tạo nên bước ngoặt đáng kể trong việc rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, trên thực tế pháp luật về đăng ký kinh doanh vẫn còn có một số quy chưa đủ rõ ràng, cụ thể để hiểu và áp dụng một cách thống nhất; một số quy định không còn phù hợp với thực tế đã và đang gây khó khăn cho cả cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong quá trình gia nhập thị trường. Do đó, việc cải cách pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam cần tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới nhằm từng bước đưa nghiệp vụ quản lý đăng ký kinh doanh của Việt Nam tiến gần hơn với chuẩn mực quốc tế về quản lý doanh nghiệp.

3.2.3. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân

PL về ĐKKD trong thời gian qua đã đóng góp tích cực trong công cuộc phát triển kinh tế, giảm bớt được rào cản gia nhập thị trường, số lượng doanh nghiệp thành lập mới ngày càng được gia tăng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được như đã nêu ở trên, PL về ĐKKD vẫn còn một số những bất cập,

Cụ thể: Một là, vẫn còn sự chồng lấn về nội dung các luật giữa luật chuyên ngành và Luật Doanh nghiệp 2014; Hai là, pháp luật về ĐKKD vẫn còn tồn tại những bất cập quy định về điều kiện đăng ký kinh doanh; Ba là, pháp luật về ĐKKD vẫn còn bất cập liên quan đến ngành nghề kinh doanh; Bốn là, pháp luật về ĐKKD vẫn còn bất cập về con dấu của doanh nghiệp; Năm là, pháp luật về ĐKKD vẫn còn bất cập về giấy phép “con”

Từ thực tế trên, có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

Thứ nhất, pháp luật về đăng ký kinh doanh trong thời gian qua đã thực sự *cởi trói* cho doanh nghiệp rất nhiều,

Thứ hai, Số lượng các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định, thông tư và quyết định của các bộ) thường lớn hơn rất nhiều so với các văn bản căn được hướng dẫn (các luật) làm gây cản trở không ít đến môi trường kinh doanh ở Việt Nam,;

Thứ ba; pháp luật về đăng ký kinh doanh hiện này còn nhiều ý kiến khác nhau trong việc quy định điều kiện kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, con dấu của doanh nghiệp...những vấn đề này nên được làm rõ tại Nghị định hoặc cùng lắm là Thông tư để tránh tình trạng chống chéo,

Thứ tư, nên có những cách thức hướng dẫn và tổ chức thực hiện luật doanh nghiệp 2014, Luật đầu tư 2014 một cách nhất quán tạo nên việc tuân thủ đúng quy định của pháp luật; và tránh việc hoạt động kinh doanh trở thành “phi chính thức”, là không phù hợp với luật pháp; làm gia tăng thêm rủi ro cho doanh nghiệp và nhà đầu tư trong hoạt động kinh doanh

Kết luận Chương 3

Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam lần đầu tiên được quy định bằng chế định riêng trong văn bản quy phạm pháp luật kể từ khi Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty vào năm 1990; sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 1999 và Luật Doanh nghiệp năm 2005 và đặc biệt là Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã thể chế hóa các vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn.

Pháp luật về đăng ký kinh doanh của Việt Nam đã được thể hiện khá toàn

diện qua các quy định về điều kiện thành lập doanh nghiệp; quy định cụ thể về trình tự và thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp theo các bước cụ thể và ngày càng đổi mới nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, qua quá trình áp dụng và thực thi pháp luật trong thực tiễn cho thấy, bên cạnh những ưu điểm thì pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần bàn luận và hoàn thiện. Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có những bước tiến mới, song việc hướng dẫn thi hành để bắt nhịp và đáp ứng yêu cầu cuộc sống là vấn đề thiết thực cấp bách, đòi hỏi phải có những phương hướng và giải pháp thiết thực.

CHƯƠNG 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH Ở VIỆT NAM

4.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để góp phần hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế, luận án tập trung đưa ra một số phương hướng sau:

Thứ nhất; Đảm bảo quyền tự do kinh doanh;

Thứ hai; Đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh và bình đẳng trong đó yêu cầu đặt ra phải hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật; Cải cách thể chế hành chính, Xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ các chủ thể tham gia khởi sự doanh nghiệp; Cải thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích sự gia nhập thị trường của các loại hình doanh nghiệp (nước ta hiện nay xếp thứ 97/178 nước); Đơn giản hoá và minh bạch hoá các thủ tục cấp phép (hiện nay nước ta xếp thứ 63/178 nước)

Thứ ba, Đảm bảo tính phù hợp các cam kết từ điều ước quốc tế và các hiệp định thương mại song phương và đa phương

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay

4.2.1. Hoàn thiện pháp luật về điều kiện đăng ký kinh doanh

Để đảm bảo thực thi tốt pháp luật về đăng ký kinh doanh trong đó nhà nước cần phải xem xét hoàn thiện về điều kiện để thực hiện việc đăng ký kinh doanh gồm: Hoàn thiện pháp luật về chủ thể kinh doanh; Hoàn thiện pháp luật về ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp; Hoàn thiện pháp luật về trụ sở kinh doanh của doanh

ngành. Việc hoàn thiện những điều kiện trên là điều hết sức cần thiết trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

4.2.2. Hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

Thủ tục đăng ký kinh doanh là thủ tục khai sinh ra doanh nghiệp, tạo cho doanh nghiệp một địa vị pháp lý nhất định. Do đó, việc cải cách hoàn thiện thủ tục đăng ký kinh doanh là một yêu cầu rất cần thiết và phải giải quyết một cách kịp thời. Trong đó hoàn thiện quy định pháp luật yêu cầu:

(1) *Đăng ký kinh doanh là một thủ tục bắt buộc*: Đăng ký kinh doanh (ĐKKD) là một công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước, đồng thời là một công cụ để thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân. Thủ tục ĐKKD là một dạng hoạt động của thủ tục hành chính, tại đây cơ quan ĐKKD xem xét tính hợp lệ của hồ sơ rồi cấp phép ĐKKD cho chủ thể ĐKKD. Toàn bộ quy trình ĐKKD phải được áp dụng thực hiện theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư.

(2) *Hoàn thiện công tác công khai, minh bạch hóa thông tin về thủ tục đăng ký kinh doanh*

Để giúp người dự định thành lập doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận trong việc nắm bắt được các quy định pháp luật về ĐKKD, các quốc gia đều phải thực hiện quy trình công khai hóa thông tin. Bởi việc công khai hóa thông tin để chủ thể kinh doanh dễ dàng theo dõi, thực hiện và chấp hành.

(3.) *Hoàn thiện quy định pháp luật về đăng ký thành lập doanh nghiệp qua mạng điện tử*

Một trong những quy trình cải cách ĐKKD, rút ngắn thời gian ĐKKD là tiến hành thủ tục ĐKKD qua mạng điện tử nên: (i) Thông tin khi đưa lên mạng cần phải được cụ thể, minh bạch, rõ ràng, mang tính thống nhất giữa các địa phương trong cả nước. (ii) Trang thông tin điện tử ĐKKD nên có sự tập hợp, so sánh tình hình ĐKKD giữa các ngành nghề, mô hình doanh nghiệp của tại địa phương đó. (iii) Cổng thông tin sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận được cách thức, trình tự, thủ tục ĐKKD. Mặt khác, các cơ quan quản lý nhà nước cũng có thể vào đó để theo dõi và trao đổi thông tin, cùng phối kết hợp trong công tác cấp giấy phép cho doanh nghiệp; (iv) Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến hoạt động ĐKKD qua mạng để người dân mạnh dạn trong việc thực hiện, tránh việc cứ phải đến tận cơ quan ĐKKD để thực hiện việc ĐKKD; (v) Khi công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia phải được nâng cấp, hoàn thiện; (vi) Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia sẽ là công cụ hữu hiệu để các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng một

cách đơn giản, tiện lợi; và có thể dễ dàng truy cập thông tin về đăng ký của các doanh nghiệp trên phạm vi cả nước để giảm bớt rủi ro trong kinh doanh.

(4.) Hoàn thiện quy định pháp luật về kiểm soát Nhà nước đối với hoạt động cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Ngay từ khi doanh nghiệp muốn gia nhập thị trường, nhà nước phải kiểm soát doanh nghiệp bằng cách cấp cho doanh nghiệp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đó là những thông tin để chứng nhận của cơ quan nhà nước về sự ra đời của một chủ thể kinh doanh, họ sẽ được phép kinh doanh những gì trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi.

(5.) Hoàn thiện quy định quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”

Pháp luật về ĐKKD cần hướng tới sự quản lý từ khâu “tiền kiểm” sang khâu “hậu kiểm” nhằm nâng cao sự quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau khi đã đăng ký thành lập, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của doanh nghiệp; mỗi cơ quan sẽ chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực chuyên ngành tương ứng.

4.2.3. Nâng cao năng lực của cơ quan đăng ký kinh doanh

Cơ quan đăng ký kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong việc giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh, thay mặt cho nhà nước để triển khai thực thi những quy định của pháp luật. Do đó, pháp luật về ĐKKD quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh gồm các nội dung sau:

(1.) Ban hành quy chế ứng xử, tác phong làm việc cho các cán bộ phòng đăng ký kinh doanh; (2.) Giảm tải cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; (3.) Kiện toàn chức năng nhiệm vụ cơ quan đăng ký kinh doanh; (4) Tăng cường sự phối kết hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh; (5) Đào tạo nguồn nhân lực cho cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh

4.3. Một số giải pháp đảm bảo việc thực thi có hiệu quả pháp luật về đăng ký kinh doanh.

4.3.1. Mở rộng hình thức đăng ký kinh doanh qua mạng

Các địa phương cần ban hành văn bản pháp luật để hướng dẫn cụ thể quy định của pháp luật mới về đăng ký kinh doanh qua mạng theo Luật doanh nghiệp năm 2014

4.3.2. Bổ sung quy định pháp lý về thủ tục thành lập doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia

Thông tin khi đưa lên mạng cần phải được cụ thể, minh bạch, rõ ràng, mang tính thống nhất giữa các địa phương trong cả nước; đòi hỏi trang thông tin điện tử ĐKKD nên có sự tập hợp, so sánh tình hình ĐKKD giữa các ngành nghề, mô hình doanh nghiệp của tại địa phương đó; Thông qua cổng thông tin ĐKKD là cầu nối giữa doanh nghiệp và nhà nước trong hoạt động kinh tế, bởi lẽ cổng thông tin sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận được cách thức, trình tự, thủ tục ĐKKD.

4.3.3. Hướng dẫn cụ thể các nội dung liên quan đến thẩm quyền xử lý vi phạm của cơ quan đăng ký kinh doanh

- Hướng dẫn cụ thể hồ sơ xử lý vi phạm các quy định về đăng ký kinh doanh CQĐKKD có cơ sở pháp lý thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khi doanh nghiệp không thông báo về thời gian hoạt động liên tục của mình trong 12 tháng.

- Hướng dẫn trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu tạm ngừng hoạt động kinh doanh ngành, nghề có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật? Trong trường hợp này cần phải xử lý như thế nào? Hồ sơ? Các quy định cụ thể...?

- Làm rõ thẩm quyền xử lý vi phạm của cơ quan đăng ký kinh doanh cho từng chức danh cụ thể.

Kết luận Chương 4

Hoạt động đăng ký kinh doanh là hoạt động vô cùng quan trọng không chỉ cho doanh nghiệp thực hiện khởi sự doanh nghiệp mà còn là cơ sở để nhà nước quản lý hoạt động đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp. Do đó, để hoạt động đăng ký kinh doanh đạt hiệu quả và đảm bảo lợi ích cho các chủ thể, đòi hỏi cần phải có nhiều giải pháp để hoàn thiện trong công tác đăng ký kinh doanh.

Sự thay đổi của hệ thống pháp luật cùng những chính sách phù hợp từ phía các ban ngành như sự thay đổi về cơ quan đăng ký kinh doanh với những chức năng, nhiệm vụ được cụ thể hóa sẽ tạo ra môi trường làm việc để tiếp nhận các chủ thể đến đăng ký kinh doanh dễ dàng hơn. Những giải pháp về hệ thống giấy phép hiện nay cũng đang được bàn luận rất nhiều từ khâu có rất nhiều thông tin được ghi trong giấy phép đăng ý kinh doanh nay chỉ còn rút ngắn xuống bốn thông tin. Đây thực sự là một cái cách rất tiên bộ trong hoạt động cấp phép đăng ký kinh doanh, tạo ra môi trường thông thoáng trong hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay chỉ số môi trường hoạt động kinh doanh vẫn còn rất thấp nếu so với các nước trong khu

vực và cộng đồng quốc tế. Cho nên, những giải pháp mà luận án này đưa ra với mong muốn tạo nên một môi trường kinh doanh thật hấp dẫn và thật sự phải vì doanh nghiệp, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó, có cái nhìn tổng quát cho hoạt động đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Thực hiện nghiên cứu đề tài ***“Pháp luật về đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay”*** trong bối cảnh xây dựng, phát triển và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cho phép rút ra những kết luận sau đây:

1. Đăng ký kinh doanh được nhìn nhận dưới nhiều phương diện như kinh tế, chính trị, quản lý nhà nước và pháp lý. Trong quá trình thực thi thủ tục đăng ký kinh doanh, cả doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh đều phải chịu sự tác động và điều chỉnh của pháp luật, vì vậy, có thể đưa ra khái niệm: “Pháp luật về đăng ký kinh doanh là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để nhằm điều chỉnh những vấn đề về điều kiện, nội dung và trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh giữa chủ thể kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh”. Pháp luật về đăng ký kinh doanh có đặc điểm riêng có, được thực hiện theo những nguyên tắc cơ bản và có những nội dung chủ yếu. Đó chính là những quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ xã hội giữa chủ thể đăng ký kinh doanh và cơ quan đăng ký kinh doanh trong việc đăng ký kinh doanh, thủ tục đăng ký kinh doanh, các biện pháp chế tài để đảm bảo việc đăng ký kinh doanh được thực hiện đúng pháp luật.

2. Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam lần đầu tiên được quy định bằng chế định riêng trong văn bản quy phạm pháp luật kể từ khi Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty vào năm 1990. Chế định này được phát triển với những tư duy đột phá trong xây dựng pháp luật về doanh nghiệp, góp phần mang lại một cuộc “cách mạng” về cải cách thủ tục hành chính trong việc thành lập và đăng ký kinh doanh ở Việt Nam. Tuy nhiên, qua quá trình áp dụng và thực thi pháp luật trong thực tiễn cho thấy, bên cạnh những ưu điểm về cung cấp thông tin thủ tục thành lập doanh nghiệp; áp dụng cơ chế một cửa trong quá trình đăng ký kinh doanh, thì pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần bàn luận và hoàn thiện. Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có những bước tiến mới, song việc hướng dẫn thi hành để bắt nhịp và đáp ứng yêu cầu cuộc sống là vấn đề thiết thực cấp bách,

đòi hỏi phải có những phương hướng và giải pháp thiết thực.

3. Sự thay đổi của hệ thống pháp luật cùng những chính sách phù hợp từ phía các ban ngành như sự thay đổi về cơ quan đăng ký kinh doanh với những chức năng, nhiệm vụ được cụ thể hóa sẽ tạo ra môi trường làm việc dễ tiếp nhận các chủ thể đến đăng ký kinh doanh dễ dàng hơn. Những giải pháp về hệ thống giấy phép hiện nay cũng đang được bàn luận rất nhiều từ khâu có rất nhiều thông tin được ghi trong giấy phép đăng ý kinh doanh nay chỉ còn rút ngắn xuống bốn thông tin. Đây thực sự là một cải cách rất tiên bộ trong hoạt động cấp phép đăng ký kinh doanh, tạo ra môi trường thông thoáng trong hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay chỉ số môi trường hoạt động kinh doanh vẫn còn rất thấp nếu so với các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế. Cho nên, những giải pháp mà luận án này đưa ra với mong muốn tạo nên một môi trường kinh doanh thật hấp dẫn và thật sự phải vì doanh nghiệp, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó, có cái nhìn tổng quát cho hoạt động đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thị Thu Thủy (2015), *Không ghi ngành nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*. Tạp chí Luật sư số 07 tháng 7 năm 2015.
2. Nguyễn Thị Thu Thủy (2015), *Tên doanh nghiệp, bảo hộ tên doanh nghiệp*. Tạp chí dân chủ và pháp luật số định kỳ tháng 8 (281) năm 2015.
3. Nguyễn Thị Thu Thủy (2015), *Hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí dân chủ và pháp luật số định kỳ tháng 12 (285) năm 2015.